

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG NÔ  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05 /2024/DS-ST  
Ngày: 19/4/2024  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hồng Duy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Bông và ông Hồ Quang Hiến.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông nô, tỉnh Đắk Nông

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:** Hoàng Thị Thùy Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 04 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2023/TLST-DS, ngày 23 tháng 11 năm 2023, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXX-ST ngày 15 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2024/ QĐST-DS, ngày 01/4/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông P – Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Số A, đường B, phường C, quận D, thành phố Hồ Chí Minh.

Người được ủy quyền ông L – Phó giám đốc phòng quản lý nợ.

Người được ủy quyền lại ông M – Nhân viên phòng quản lý nợ, có mặt.

Địa chỉ: Lầu A, tòa nhà B, số D, đường E, phường G, quận K, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà H, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai của người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn, ông M trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:*

Ngày 05/11/2019, bà H làm đơn đề nghị cấp thẻ tín dụng Quốc Tế, căn cứ

vào đơn đề nghị cấp thẻ tín dụng Quốc Tế, bà H đã ký kết các điều khoản tại Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng có số tài khoản 4365.9990.0011.9721, ngày cấp thẻ 12/11/2019, loại thẻ Visa Signature, hạn mức cấp thẻ tín dụng 100.000.000 đồng, thời hạn sử dụng đến tháng 11/2022, với lãi suất suất trong hạn 30% và lãi suất quá hạn 150% và các phí khác khi sử dụng dịch vụ thẻ tín dụng quốc tế.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà H đã dùng thẻ tín dụng để thanh toán các số tiền như sau:

Ngày 18/11/2019, thanh toán số tiền 50.000.000 đồng.

Ngày 27/11/2019, thanh toán số tiền 2.960.000 đồng.

Ngày 02/12/2019, thanh toán số tiền 45.000.000 đồng

Ngày 04/02/2020, thanh toán số tiền 98.350.000 đồng

Ngày 04/03/2020, thanh toán số tiền 97.747.241 đồng.

Ngày 24/03/2020, thanh toán số tiền 57.450.000 đồng

Ngày 26/03/2020, thanh toán số tiền 42.550.000 đồng

Ngày 13/04/2020, thanh toán số tiền 53.750.000 đồng.

Ngày 16/4/2020, thanh toán số tiền 46.250.000 đồng

Tổng số tiền bà H đã thực hiện giao dịch là 494.057.000 đồng. Tổng tiền phí 1.900.000 đồng, tổng tiền lãi trong hạn 19.536.644 đồng, phạt chậm trả 1.466.473 đồng. Bà H đã thanh toán được số tiền gốc là 412.430.000 đồng.

Tính đến ngày 20/10/2020, bà H không thanh toán đầy đủ cho ngân hàng, đã vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng nên ngân hàng đã thông báo cho bà H về việc chuyển nợ thẻ sang nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn. Ngày 20/12/2021, ngân hàng thông báo chuyển nợ quá hạn nợ trong thẻ và chấm dứt sử dụng thẻ tín vụ Visa số 4365.9990.0011.9721. Bà H còn nợ tiền gốc 92.632.373 đồng, tiền lãi trong hạn là 11.897.985 đồng và tiền lãi quá hạn 134.452.717 đồng, tạm tính đến ngày 19/04/2024.

Hợp đồng tín dụng này là tín chấp, nên bà H không thế chấp bất kỳ tài sản hoặc giấy tờ có giá trị.

Ngân hàng đã chủ động liên hệ và gặp bà H để yêu cầu thanh toán số tiền đang nợ nhưng bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ. Do đó, ngân hàng khởi kiện và yêu cầu bà H phải thanh toán số tiền nợ gốc 92.632.373 đồng (*Chín mươi hai triệu sáu trăm ba mươi hai ngàn ba trăm bảy mươi ba đồng*), tiền lãi trong hạn 11.897.985 đồng (*Mười một triệu tám trăm chín mươi bảy ngàn chín trăm tám mươi lăm đồng*) và tiền lãi quá hạn là 134.452.717 đồng (*Một trăm ba mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi hai ngàn bảy trăm mười bảy đồng*), tạm tính đến ngày 19/04/2024 (lãi quá hạn từ ngày 20/10/2020 đến ngày 14/7/2023 là 997 ngày, lãi

suất quá hạn là 40.5%/năm, thành tiền 102.475.514 đồng; từ ngày 14/7/2023 đến ngày 19/4/2024 là 280 ngày, lãi suất quá hạn là 45.0%/năm, thành tiền 31.977.203 đồng), tiếp tục tính lãi suất cho đến khi bà H thanh toán xong nợ.

2. Bị đơn bà H có hộ khẩu và sinh sống tại Thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông, bà H đã được Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp và hòa giải, kết quả phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Tòa án tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng đối với bà H thông qua thủ tục niêm yết theo quy định pháp luật, thông qua bà P là mẹ của bà H, bà H trực tiếp nhận các văn bản, nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản giao nhận ngày 22/3/2024, bà H là người trực tiếp nhận văn bản, ký xác nhận, và bà H có ghi “*Tôi đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của ngân hàng tôi chấp nhận chi trả gốc và lãi. Thẻ tín dụng tôi là người sử dụng trực tiếp. Tôi xin vắng mặt vào buổi xét xử của Tòa án tôi không hề có không nại gì về sau*”.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định pháp luật; Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà H phải có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ gốc là 92.632.373 đồng, tiền lãi trong hạn 11.897.985 đồng và tiền lãi quá hạn 134.452.717 đồng, tạm tính đến ngày 19/4/2024. Kể từ ngày 20/4/2024, cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nợ gốc, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất

các bên đã thỏa thuận, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện và tài liệu nguyên đơn cung cấp, Ngân hàng là tổ chức tín dụng, hoạt động kinh doanh tiền tệ theo Luật tổ chức tín dụng, người vay tiền tiêu dùng là cá nhân, ngân hàng khởi kiện và yêu cầu bà H phải trả số tiền nợ vay, nợ lãi phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Krông Nô đã tiến hành xác minh, bà H có đăng ký thường trú và sinh sống tại Thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Krông Nô thụ lý là đúng quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bà H hiện đang sinh sống tại Thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông đã được Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Ngoài ra, tại biên bản giao nhận ngày 22/3/2024, bà H xin vắng mặt tại buổi xét xử. Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt bà H là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao. Bà H vắng mặt, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng như đưa ra quan điểm để phản bác lại yêu cầu của nguyên đơn. Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Như vậy, bà H phải chịu hậu quả về việc không đưa ra được và không đưa ra đủ chứng cứ để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về nội dung vụ án: Bà H ký kết hợp đồng tín dụng với hình thức sử dụng thẻ tín dụng quốc tế và được ngân hàng cấp hạn mức 100.000.000 đồng, với mục đích để thanh toán mua hàng hóa hoặc rút tiền mặt, thời hạn từ ngày 12/11/2019 đến tháng 11/2022, lãi suất trong hạn 30%, lãi suất quá hạn 150%.

[2.2] Đây là hợp đồng tín chấp, nên giữa các bên không thực hiện nhận hoặc

thể chấp tài sản hoặc giấy tờ có giá trị.

[2.3] Tại biên bản giao nhận ngày 22/3/2024, bà H có ghi “*Tôi đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của ngân hàng tôi chấp nhận chi trả gốc và lãi. Thẻ tín dụng tôi là người sử dụng trực tiếp*”. Như vậy, bà H thừa nhận, ngân hàng đã cung cấp và giao thẻ tín dụng cho bà H và bà H là người trực tiếp sử dụng các giao dịch dân sự liên quan đến thẻ tín dụng, đồng thời bà H đồng ý thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh trong quá trình sử dụng thẻ. Tình tiết nêu trên, các bên đều thừa nhận nên không cần chứng minh, phù hợp với khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Như vậy, ngân hàng cung cấp thẻ tín dụng Visa, người sử dụng thẻ tín dụng là bà H đã thể hiện ý chí tự nguyện của các bên trong việc cung cấp dịch vụ và sử dụng dịch vụ, phù hợp với quy định pháp luật trong hoạt động tín dụng.

[2.4] Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện giao dịch mua hàng hóa qua thẻ tín dụng với tổng số tiền 494.057.241 đồng, phí 1.900.000 đồng, lãi trong hạn 19.536.644 đồng. Trong quá trình sử dụng, bà H đã thanh toán được số tiền 412.430.000 đồng.

Tại thời điểm xét xử ngày hôm nay, bà H còn nợ số tiền gốc 92.632.373 đồng (*Chín mươi hai triệu sáu trăm ba mươi hai ngàn ba trăm bảy mươi ba đồng*), tiền lãi trong hạn 11.897.985 đồng (*Mười một triệu tám trăm chín mươi bảy ngàn chín trăm tám mươi lăm đồng*); lãi chậm thanh toán tiền lãi là 1.466.473 đồng (*Một triệu bốn trăm sáu mươi sáu ngàn bốn trăm bảy mươi ba đồng*) và tiền lãi quá hạn 134.452.717 đồng (*Một trăm ba mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi hai ngàn bảy trăm mười bảy đồng*), tạm tính đến ngày 19/04/2024 (lãi quá hạn từ ngày 20/10/2020 đến ngày 14/7/2023 là 997 ngày, lãi suất quá hạn là 40.5%/năm, thành tiền 102.475.514 đồng; từ ngày 15/7/2023 đến ngày 19/4/2024 là 280 ngày, lãi suất quá hạn là 45.0%/năm, thành tiền 31.977.203 đồng).

Ngày 20/10/2022, bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi của thẻ tín dụng đúng hạn, ngân hàng đã chuyển khoản nợ thẻ sang nợ quá hạn. Đến ngày 20/12/2021, ngân hàng thông báo chấm dứt sử dụng thẻ tín dụng đối với bà H. Như vậy, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ngân hàng khởi kiện và yêu cầu bà H thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng là phù hợp.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.1] Nợ gốc: Theo hợp đồng tín dụng, thông qua sử dụng thẻ visa, bà H còn nợ số tiền gốc 92.632.373 đồng, khi đến hạn thanh toán nợ gốc, bà H không

thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng vi phạm hợp đồng đã ký kết với ngân hàng. Như vậy, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngân hàng làm đơn khởi kiện và yêu cầu thanh toán nợ gốc là 92.632.373 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*”.

Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...*”.

Khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng*”.

[3.2] Lãi suất trong hạn và quá hạn: Theo hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn lãi suất trong hạn 30%/năm, lãi suất quá hạn 150%.

Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “... 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...”. và khoản 2, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”.

Tiền lãi trong hạn từ khi thực hiện giao dịch qua thẻ cho đến ngày 20/10/2020 là 19.536.644 đồng, bà H đã thanh toán được số tiền lãi trong hạn là 7.638.659 đồng và còn nợ lại tiền lãi trong hạn là 11.897.985 đồng và ngân hàng yêu cầu phải thanh toán là phù hợp.

Đến ngày 20/10/2020, bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi của thẻ tín dụng đúng hạn, nên ngân hàng đã chuyển toàn bộ nợ gốc sang nợ quá hạn và tính lãi suất quá hạn. Cụ thể: Từ ngày 20/10/2020 đến ngày 14/7/2023 là 997 ngày, lãi suất quá hạn là 40.5%/năm, thành tiền 102.475.514 đồng; từ ngày 15/7/2023 đến ngày 19/4/2024 là 280 ngày, lãi suất quá hạn là 45.0%/năm, thành tiền 31.977.203 đồng. Tổng số tiền lãi tạm tính đến ngày 19/4/2024 là 134.452.717 đồng, từ ngày 20/4/2024 tiếp tục tính lãi suất quá hạn cho đến khi thanh toán xong nợ gốc, ngân hàng yêu cầu về lãi suất là phù hợp nên cần chấp nhận.

[3.3] Tài sản thế chấp: Không thế chấp tài sản hoặc giấy tờ có giá .

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà H phải chịu tiền án phí sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[5] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tại phiên toà là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 144, Điều 147, , Điều 177, Điều 179, Điều 180, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng.

2. Buộc bà H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 238.983.075 đồng, trong đó tiền gốc là 92.632.373 đồng (*Chín mươi hai triệu sáu trăm ba mươi hai ngàn ba trăm bảy mươi ba đồng*), tiền lãi trong hạn là 11.897.985 đồng (*Mười một triệu tám trăm chín mươi bảy ngàn chín trăm tám mươi lăm đồng*), lãi quá hạn 134.452.717 đồng (*Một trăm ba mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi hai ngàn bảy trăm mười bảy đồng*), tạm tính đến ngày 19/04/2024.

Kể từ ngày 20/04/2024, bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà H phải nộp 11.949.154 đồng (*Mười một triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn một trăm năm mươi bốn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.819.510 đồng (*Ba triệu tám trăm mười chín ngàn năm trăm đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0020928 ngày 20 tháng 03 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Theo trình tự và thủ tục thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THA dân sự huyện Krông Nô;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lại Hồng Duy**



